

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 3 - 2025
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Chắt

2. Bà Trần Thị Lệ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Phương L, sinh năm 1982: Nơi ĐKKHKT: tổ H, phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; hiện cư trú tại: tổ A, phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Huy H, sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT: tổ H, phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; hiện cư trú tại: phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Trần Phương L trình bày: Chị và anh Phan Huy H trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 3 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường tuy nhiên sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau,

bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hoà hợp, hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn hay cãi vã, vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh H nghiện ma túy mặc dù chị L đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh H không từ bỏ mà còn nhiều lần chửi bới làm ảnh hưởng tới tâm lý của chị L và việc học tập của các con. Do mâu thuẫn đã lâu không khắc phục được nên chị L đã về nhà bố mẹ đẻ tại tổ A, phố T, huyện K, tỉnh Ninh Bình để sinh sống, chị L đã ly thân với anh H từ năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và anh chị không có khả năng về sinh sống với nhau. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Phan Trần Tâm C, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2013 hiện nay cháu C đang ở với chị L. Nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Phan Trần Tâm C và không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con.

Về con riêng: Trước khi chị L kết hôn với anh H, chị L có 01 con riêng là cháu Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2003.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Phan Huy H hiện cư trú tại phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Phan Huy H, anh H đã nhận văn bản tố tụng trên và có ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của chị L là anh sẽ có quan điểm sau nhưng đến nay anh H vẫn không có quan điểm đối với yêu cầu ly hôn của chị L. Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H nhưng anh H đã từ chối làm việc, không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Ngày 26/02/2025, Toà án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H và anh H đã ký nhận văn bản tố tụng trên của Tòa án. Bản thân anh H cũng đã biết việc chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh H không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu đối với việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Con chung của anh chị là cháu Phan Trần Tâm C, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2013 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến nguyện vọng của con. Tại văn bản lấy ý kiến của con ngày 23 tháng 01 năm 2025, cháu C trình bày nguyện vọng

nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với mẹ để được chăm sóc, nuôi dưỡng toàn diện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Phương L ly hôn anh Phan Huy H.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Trần Tâm C, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2013 cho chị Trần Phương L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh Phan Huy H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L

- Án phí: Chị Trần Phương L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đối với yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện có thẩm quyền giải quyết được quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phan Huy H có nơi ĐKKHKT: tổ H, phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; hiện cư trú tại: phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt bị đơn là anh Phan Huy H, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy để đảm bảo

quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Phương L và anh Phan Huy H có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 3 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại tổ H, phố T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị L cho rằng bản thân anh H nghiện ma túy mặc dù chị L đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh H không từ bỏ mà còn nhiều lần chửi bới làm ảnh hưởng tới tâm lý của chị L và việc học tập của các con. Do mâu thuẫn đã lâu không khắc phục được nên chị L đã về nhà bố mẹ đẻ tại tổ A, phố T, huyện K, tỉnh Ninh Bình để sinh sống, chị L đã ly thân với anh H từ năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh H biết việc chị L xin ly hôn nhưng anh H không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh H có thái độ bỏ mặc và không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng và chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K thể hiện: Anh H và chị L có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại tổ H, phố T, thị trấn P, huyện K. Qua nắm bắt tại chính quyền sơ sở được biết về mâu thuẫn vợ chồng anh H, chị L địa phương không nắm được nguyên nhân do anh H, chị L không có yêu cầu hoà giải tại cơ sở. Về con chung của vợ chồng chị L và anh H có 01 con chung cháu Phan Trần Tâm C, sinh ngày 14 tháng 06 năm 2013. Về mức thu nhập hàng tháng của chị L và anh H do cả hai anh chị đều là lao động tự do không phải kê khai thu nhập do đó chính quyền địa phương không nắm được cụ thể mức thu nhập thực tế trung bình hàng tháng của

từng người. Nay chị L xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi của cháu Phan Trần Tâm C.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân gần 08 năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con

[3.1] Con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Phan Trần Tâm C, sinh ngày 14 tháng 06 năm 2013. Hiện cháu C đang ở cùng với chị L. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu C. Về phía anh H không có ý kiến gì về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án, cũng như không có ý kiến gì về việc nuôi con sau khi ly hôn. Qua tham khảo nguyện vọng của cháu C có nguyện vọng ở với chị L. Vì vậy để không làm thay đổi môi trường sống, sinh hoạt và học tập của cháu cũng như không làm ảnh hưởng sự phát triển bình thường của con mà vẫn đảm bảo quyền lợi của con chung sau khi ly hôn nên giao cháu C cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị L không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là cháu C cũng phù hợp với các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[3.2] Về con riêng: Trước khi chị L kết hôn với anh H, chị L có 01 con riêng là cháu Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2003. Do chị L không yêu cầu Toà án giải quyết và anh H cũng không có ý kiến gì nên Toà án không xem xét vấn đề trên.

[4] Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Phương L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Phương L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Phương L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Phương L và anh Phan Huy H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Trần Tâm C, sinh ngày 14 tháng 06 năm 2013 cho chị Trần Phương L trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Huy H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Phương L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Phương L phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001918 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Kim Chính;
- Dương sự;
- Lưu toà và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trịnh Thị Hoài Thu

